TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 11/8/2020.
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG- TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Giới và ông Đoàn Xuân Hòa
- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Diệu T - Sinh năm: 1975
Nơi ĐKHKTT: Tổ 1A, khu 9, phường H, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh H - Sinh năm: 1968
Nơi ĐKHKTT: Tổ 2, khu 1, phường H, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Chỗ ở: Tổ 1A, khu 9, phường H, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, Nguyên đơn là chị Vũ Thị Diệu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh H chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hạ Long là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn thì anh chưa có vợ, còn chị đã có chồng và đã giải quyết ly hôn. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 02 năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè bê tha, không lo toan phụ giúp kinh tế trong gia đình, anh chị có H cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H thường hay chửi vợ,

chửi con. Chị đã khuyên anh nhiều nhưng anh không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra tổ dân khu phố không được biết nên không tiến hành hòa giải. Vợ chồng anh chị tuy vẫn sống trong cùng một nhà nhưng đã ly thân nhau về tình cảm, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là: Trần Thành Đ, sinh ngày 05/11/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Anh, chị không vay nợ của tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Trần Minh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai và không có quan điểm gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân, khu phố nơi chị T và anh H sinh sống thì được biết: Vợ chồng anh H, chị T phát sinh mâu thuẫn từ khi nào thì tổ dân khu phố không được biết, nhưng gia đình anh chị có H cảnh kinh tế khó khăn, mặc dù không được Nhà nước cấp cho sổ hộ nghèo, chị T làm quản sinh ở trường tiểu học Quang Trung thu nhập thấp, anh H không có công ăn việc làm, sức khỏe yếu, thường xuyên nghiện rượu, không quan tâm chia sẻ chăm lo cuộc sống gia đình với chị T.

Tại biên bản làm việc ngày 29/6/2020 tại tổ 1A, khu 9, phường H với hộ gia đình liền kề với gia đình anh chị H T, ông bà Đ – L cho biết anh chị H T có phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay (Khoảng 3 đến 4 năm nay), anh H thường xuyên chửi vợ, mắng con, hiện tại anh thường xuyên đi uống rượu, sức khỏe yếu, không có công ăn việc làm ổn định, không giúp đỡ hỗ trợ gia đình, chăm sóc vợ con. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, thấy rằng anh chị T H có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020 của cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 05/11/2010, con chung của chị T và anh H có nguyện vọng ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đó tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Diệu T được ly hôn anh Trần Minh H và giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi con trưởng thành (tròn mười tám tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Minh H nhiều lần vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa ngày 29/7/2020 anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, chị T khẳng định tình cảm giữa chị và anh H thực sự không thể hàn gắn được, vợ chồng chị tuy vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân về tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử đã phân tích để chị T quay lại đoàn tụ với anh H, nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn đã xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè bê tha, không lo toan phụ giúp kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H thường hay chửi vợ, chửi con, chị đã khuyên anh nhiều nhưng anh không thay đổi, từ đó thấy rằng tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị T và anh H có 01 con chung là: Trần Thành Đ, sinh ngày 05/11/2010. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thành Đ đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản khai thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Theo xác minh tại địa phương, anh H hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, sức khoẻ yếu, thường xuyên uống rượu say, không có nhà riêng, nên không có khả năng nuôi con. Chị T có công ăn việc làm, đang làm quản sinh của trường tiểu học Quang Trung và thu nhập ổn định, mặc dù lương không cao (3.000.000đồng/ tháng), nhưng gia đình ngoại sống kế bên nên cũng được gia đình trợ giúp thêm đảm bảo để nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử thấy, cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ và hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị T nên giao con cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn cho việc chăm sóc, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và

tinh thần. Do đó, nguyện vọng nuôi con của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn không có tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Diệu T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Diệu T được ly hôn với anh Trần Minh H.

2/ Về con chung: Giao con chung Trần Thành Đ, sinh ngày 05/11/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Vũ Thị Diệu T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002299, ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Định